

CHÍNH PHỦ
Số: 01/2010/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 1 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH
Về chào bán cổ phần riêng lẻ
CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:
Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ của các công ty cổ phần thành lập và hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức chào bán).

Công ty cổ phần thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài không được chào bán cổ phần trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Công ty cổ phần
- Các doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty cổ phần, ngoại trừ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

Hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ của các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện phải tuân thủ quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Chào bán cổ phần riêng lẻ* là việc chào bán cổ phần hoặc quyền mua cổ phần trực tiếp và không sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng cho một trong các đối tượng sau:

- Các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Dưới 100 nhà đầu tư không phải nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

2. *Công ty đại chúng* là công ty cổ phần đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Luật Chứng khoán.

Điều 5. Mệnh giá cổ phần

- Cổ phần chào bán riêng lẻ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ghi bằng đồng Việt Nam.
- Mệnh giá cổ phần chào bán riêng lẻ là 10.000 (mười nghìn) đồng Việt Nam.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CHÀO BÁN CỔ PHẦN RIÊNG LẺ

Điều 6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chào bán cổ phần riêng lẻ

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chào bán cổ phần riêng lẻ (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước có thẩm quyền) bao gồm:

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: trong trường hợp tổ chức chào bán cổ phần riêng lẻ là tổ chức tín dụng;
2. Bộ Tài chính: trong trường hợp tổ chức chào bán là doanh nghiệp bảo hiểm cổ phần;
3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: trong trường hợp tổ chức chào bán là công ty cổ phần chứng khoán, công ty cổ phần quản lý quỹ, công ty đại chúng (trừ các công ty đại chúng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tín dụng, bảo hiểm);
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế: trong trường hợp tổ chức chào bán là công ty cổ phần không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có ý kiến bằng văn bản yêu cầu tổ chức chào bán bổ sung, sửa đổi hồ sơ.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo cho tổ chức đăng ký biết và công bố trên trang thông tin điện tử (website) của cơ quan danh sách tổ chức đăng ký chào bán thuộc phạm vi quản lý của mình theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức chào bán là doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện, nếu pháp luật liên quan có quy định khác thì trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ phải được niêm yết công khai tại cơ quan có thẩm quyền.

3. Chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm gửi cho Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) danh sách bằng văn bản và file điện tử về tổ chức đã đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ của tháng trước có hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) có trách nhiệm tổng hợp và công bố danh sách tổ chức chào bán riêng lẻ thuộc mọi đối tượng của tháng trước theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Giám sát hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về chào bán cổ phần riêng lẻ tại Nghị định này.

Chương III

CHÀO BÁN CỔ PHẦN RIÊNG LẺ

Điều 8. Điều kiện chào bán cổ phần riêng lẻ

1. Là doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.
2. Có quyết định thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo Điều lệ công ty hoặc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần); hoặc Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển thành công ty cổ phần); hoặc chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần).

Phương án chào bán phải xác định rõ đối tượng và số lượng nhà đầu tư được chào bán dưới 100 nhà đầu tư và hạn chế chuyển nhượng cổ phần tối thiểu trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trường hợp chào bán cho các đối tác chiến lược, tổ chức chào bán phải xây dựng tiêu chí xác định, lựa chọn đối tác chiến lược. Đối tác chiến lược là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ mới, cung ứng nguyên vật liệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán riêng lẻ không được tham gia biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc này.

3. Có hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này gửi tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến thực hiện việc chào bán, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Trường hợp tổ chức chào bán là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài việc phải đáp ứng các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.

5. Các đợt chào bán riêng lẻ phải cách nhau ít nhất sáu tháng.

6. Đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ góp vốn, hình thức đầu tư, trong trường hợp có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ

Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ gồm:

1. Báo cáo chào bán cổ phần riêng lẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần); hoặc Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển đổi thành công ty cổ phần); hoặc chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần) thông qua phương án chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán. Phương án chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán có những nội dung chủ yếu theo quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định này.
3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo Điều lệ công ty hoặc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chuẩn đối tác chiến lược, người lao động, trong trường hợp chào bán cho đối tác chiến lược, người lao động trong công ty.
4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua danh sách đối tác chiến lược, người lao động, trong trường hợp chào bán cho đối tác chiến lược, người lao động trong công ty.
5. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư nêu tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này.
6. Tài liệu chứng minh đáp ứng tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài và tuân thủ quy định về hình thức đầu tư, trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài.
7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN RIÊNG LẺ

Điều 10. Nghĩa vụ của tổ chức chào bán khi thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ

1. Trong thời hạn 90 ngày, trước và trong khi thực hiện việc chào bán cổ phần riêng lẻ, tổ chức chào bán không được quảng cáo việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo pháp luật về chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc công bố thông tin không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo và mời chào về việc chào bán cổ phần riêng lẻ.
2. Gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định này; sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện chào bán. Trường hợp quá 15 ngày sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này mà tổ chức chào bán không nhận được ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chào bán được tiến hành chào bán cổ phần riêng lẻ theo hồ sơ đã đăng ký.
3. Cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
4. Tổ chức thực hiện việc chào bán theo đúng phương án đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Tiền mua chứng khoán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng thương mại cho đến khi hoàn tất đợt chào bán.
6. Trường hợp là công ty đại chúng, ngoài việc thực hiện theo các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Nghĩa vụ của tổ chức chào bán sau khi chào bán cổ phần riêng lẻ

1. Trong vòng 10 ngày, kể từ khi kết thúc đợt chào bán, tổ chức chào bán có nghĩa vụ gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán và danh sách cổ đông (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng thời công bố kết quả chào bán trên website của tổ chức chào bán (nếu có).
2. Sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng phương án đã được thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, tổ chức chào bán phải công bố thông tin về lý do thay đổi và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (nếu được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) về việc thay đổi.
3. Nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công khai báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.
4. Tổ chức chào bán khi công bố thông tin đồng thời phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung thông tin được công bố. Việc công bố thông tin phải do người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
5. Ngoài nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này, tổ chức chào bán có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác liên quan.